

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN LẠC
TỈNH HÒA BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 16 - 6 - 2025

V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN LẠC, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Doanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Trọng và bà Bùi Thị Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Lạc tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Đức Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 16/6/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2025/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2025 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐXX - ST ngày 19/5/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2025/QĐST-HNGĐ ngày 06/6/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Bùi Văn A, sinh năm 1989; có mặt.

Địa chỉ: Phố N, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

Bị đơn: Chị Bùi Thị P, sinh năm 1988; vắng mặt lần thứ hai.

Địa chỉ: Xóm Ô, xã Đ, huyện T, tỉnh Hòa Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Bùi Văn A trình bày:

* *Về quan hệ hôn nhân:* Anh và chị Bùi Thị P kết hôn ngày 13/12/2017 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Vụ Bản, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh kể từ năm 2019. Nguyên nhân mâu thuẫn là do khó khăn về kinh tế nên chị P đi làm ăn nhưng không muốn về nhà, không quan tâm đến chồng con. Mâu thuẫn đỉnh điểm là năm 2020 khi anh biết tin chị P về nhà bố mẹ đẻ của chị P ở xóm Ô, xã Đ, huyện T, tỉnh Hòa Bình, anh lên đón nhưng chị P không quay về. Tại đây, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi vã và anh có hành vi bạo lực đối với chị P. Từ đó, hai vợ chồng sống ly thân cho đến nay, không quan tâm gì đến nhau. Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn, khó có thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo

dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Để ổn định cuộc sống và nuôi dạy con cái nên anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc giải quyết cho anh được ly hôn với chị Bùi Thị P.

** Về con chung:* Vợ chồng anh có 01 con chung là cháu Bùi Anh K, sinh ngày 30/10/2018. Con chung ở với anh từ lúc cháu được 18 tháng tuổi cho đến nay tại phố N, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hoà Bình. Khi ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Hiện nay đang làm công việc phụ xây tại khu vực thị trấn Vụ Bản, thu nhập bình quân khoảng 6 đến 7 triệu đồng/1 tháng. Ngoài ra, anh làm thêm công việc đánh cá ở sông, suối để tăng thêm thu nhập, đảm bảo việc nuôi con. Do vậy, anh chưa yêu cầu chị Bùi Thị P việc cấp dưỡng nuôi con chung.

** Về tài sản chung:* Vợ chồng anh không có tài sản chung.

** Về nợ chung:* Vợ chồng anh không có nợ chung.

Phần trình bày của bị đơn: Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các giấy triệu tập đương sự, Thông báo về việc mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đối với bị đơn để bị đơn viết bản tự khai, lấy lời khai và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên không có bản tự khai, không lấy được lời khai và việc tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ chỉ có nguyên đơn và không tiến hành phiên hòa giải được.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Văn An. Xử cho anh Bùi Văn A ly hôn chị Bùi Thị P.

Về con chung: Giao cho anh Bùi Văn A được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung là Bùi Anh K, sinh ngày 30/10/2018. Ghi nhận anh Bùi Văn A chưa yêu cầu chị Bùi Thị P việc cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập giải quyết. Chị Bùi Thị P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Anh Bùi Văn A và chị Bùi Thị P không có tài sản chung nên không đề cập giải quyết.

Về nợ chung: Anh Bùi Văn A và chị Bùi Thị P không có nợ chung nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Anh Bùi Văn A và chị Bùi Thị Phiến kết hôn ngày 13/12/2017 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Vu Bản, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Anh Bùi Văn A và chị Bùi Thị P có một con chung là Bùi Anh K, sinh ngày 30/10/2018.

Các tình tiết mà các bên đã thống nhất: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Anh Bùi Văn A có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc giải quyết việc ly hôn với chị Bùi Thị P; địa chỉ: Xóm Ổ, xã Đ, huyện T, Hòa Bình. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 các Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.

Tòa án đã triệu tập đương sự nhiều lần, đã thông báo về mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đến các đương sự hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Do vậy, bị đơn không có bản tự khai, biên bản lấy lời khai. Tòa án đã lập biên bản về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ chỉ có nguyên đơn, lập biên bản không tiến hành hòa giải được và nguyên đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án.

Toà án đã tiến hành giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập đương sự tham gia phiên toà, Quyết định hoãn phiên toà hợp lệ đến các đương sự nhưng bị đơn vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Bùi Văn A và chị Bùi Thị P kết hôn ngày 13/12/2017 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Vụ Bản, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của anh Bùi Văn A đối với chị Bùi Thị P: Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của anh A, chị P, kết quả xác minh cho thấy hoàn toàn phù hợp với lời khai của anh A. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống với nhau được khoảng 02 năm tại thị trấn V, huyện L, tỉnh Hoà Bình nhưng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân, do có khó khăn về kinh tế. Sau khi con chung được 18 tháng tuổi thì chị P đi làm công nhân tuy nhiên không muốn quay về

nhà với chồng. Đỉnh điểm mâu thuẫn xảy ra tháng 5 năm 2020, khi đó anh A lên nhà bố vợ tại xóm Ô, xã Đ, huyện T, tỉnh Hoà Bình để đón chị P quay về nhưng chị P không nhất trí. Tại đây, hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi vã và anh A có hành vi bạo lực đối với chị P. Từ đó, hai vợ chồng sống ly thân, chị P không quay lại nhà anh A nữa và vợ chồng không quan tâm gì đến nhau. Xét thấy, vợ chồng sống ly thân đã lâu, vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu ly hôn của anh Bùi Văn A là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, phù hợp với ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[2.2] *Về con chung*: Anh Bùi Văn A và chị Bùi Thị P có con chung là Bùi Anh K, sinh ngày 30/10/2018. Con chung ở với anh Bùi Văn A từ lúc vợ chồng ly thân cho đến nay. Xét yêu cầu được nuôi con của anh Bùi Văn A, Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc giao con cho ai là người trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn phải đảm bảo các điều kiện tốt nhất về chăm sóc, giáo dục và tránh bị sáo trộn về mặt tâm lý. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, chị P không có mặt tại Tòa án nên không có căn cứ để xem xét nguyện vọng của chị P. Cháu K đang sinh sống ổn định với anh Bùi Văn A tại phố N, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hoà Bình và học tập tại đây. Từ ngày vợ chồng sống ly thân, chị P có gửi quà cho con chung được năm đầu tiên nhưng sau đó không hỗ trợ kinh tế với anh A để nuôi con chung. Hiện nay, anh A đang làm nghề phụ xây có thu nhập bình quân từ 6 đến 7 triệu đồng/1 tháng và làm công việc khác để tăng thêm thu nhập đảm bảo cuộc sống của hai bố con. Do vậy, đề nghị của anh Bùi Văn A cũng như ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giao cho anh A được nuôi con chung sau khi ly hôn là có căn cứ chấp nhận. Ghi nhận anh Bùi Văn A chưa yêu cầu chị Bùi Thị P việc cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập giải quyết.

[2.3] *Về tài sản chung*: Anh Bùi Văn A và chị Bùi Thị P không có tài sản chung nên không đề cập giải quyết.

[2.4] *Về nợ chung*: Anh Bùi Văn A và chị Bùi Thị P không có nợ chung nên không đề cập giải quyết.

[2.5] *Về án phí*: Anh Bùi Văn A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016

của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Bùi Văn A. Xử cho anh Bùi Văn A ly hôn chị Bùi Thị P.

2. Về con chung: Giao cho anh Bùi Văn A được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung là Bùi Anh K, sinh ngày 30/10/2018. Anh Bùi Văn A chưa yêu cầu chị Bùi Thị P việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, chị Bùi Thị P có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Bùi Văn A phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Bùi Văn A đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0000768 ngày 04/4/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Tân Lạc;
- Chi cục THADS huyện Tân Lạc;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Vụ Bản, huyện Lạc, tỉnh Hoà Bình (Nơi đăng ký kết hôn, đăng ký ngày 13/12/2017)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hữu Doanh